

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **11/2021/DS - ST**

Ngày 08 tháng 09 năm 2021

“ V/v : *Tranh chấp thừa kế
về tài sản* ”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K - TỈNH NINH BÌNH

- Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thế Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Đức Bính và ông Ngô Gia Khánh

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phan Thị Ninh, thư ký Toà án nhân dân huyện K - tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện VKSND huyện K tham gia phiên tòa: ông Ninh Trọng Khánh, Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 09 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện K - tỉnh Ninh Bình. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 15/2021/TLST - DS ngày 12 tháng 4 năm 2021 về “Tranh chấp thừa kế về tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2021/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Hoàng Thái Q (Hoàng Văn Q), sinh năm 1952; địa chỉ: xóm P, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình (có mặt)

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị Hoàng Thị P, sinh năm 1979; địa chỉ: xóm 3, xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình (có mặt)

- Bị đơn: Anh Hoàng Văn D, sinh năm 1991; địa chỉ: xóm P, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Hoàng Văn P1; Địa chỉ: Thôn 9, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông (vắng mặt lần thứ hai không có lý do)

2. Chị Hoàng Thị H, sinh năm: 1977; Địa chỉ: Xóm N, xã X, huyện L, tỉnh Hòa Bình (vắng mặt)

3. Chị Hoàng Thị P2, sinh năm: 1979; Địa chỉ: Xóm 3, xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 10/04/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Hoàng Thái Q trình bày:

Ông và vợ là bà Cao Thị D1 sinh được bốn người con là Hoàng Văn P1, Hoàng Thị H, Hoàng Thị P2 và Hoàng Văn D. Quá trình chung sống, vợ chồng ông tạo lập được khối tài sản chung là một mảnh đất tại thửa số 4 tờ bản đồ số 5,

địa chỉ: xóm P, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình có diện tích 1,100 m², đất đã được UBND huyện K cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I668092 ngày 21 tháng 09 năm 1997 mang tên Hoàng Văn Q.

Năm 2009, bà Cao Thị D1 chết đột ngột không để lại di chúc. Nay vì tuổi cao sức khỏe ngày một yếu nên muốn chia quyền sử dụng đất cho tất cả các con mỗi người một phần. Phần đất còn lại ông muốn chuyển nhượng để lo việc sang cát phần mộ cho vợ ông và sau này lo tuổi già để con cái ông đỡ vất vả nhưng không được sự đồng thuận của các con.

Vì vậy ông yêu cầu Tòa án giải quyết các nội dung gồm: xác định anh Hoàng Văn P1, Hoàng Thị H, Hoàng Thị P2, Hoàng Văn D và ông là những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Cao Thị D1 và chia di sản thừa kế của bà Cao Thị D1 theo pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đưa ra phương án phân chia di sản thừa kế theo hướng nếu chia di sản của bà D1 bằng hiện vật thì các con của ông không đủ kích thước diện tích tách thửa theo quy định của UBND tỉnh Ninh Bình, nên ông sẽ tặng cho thêm phần đất thuộc quyền sử dụng của ông cho các con cho đủ tiêu chuẩn để tách thửa.

Kèm theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, ông Q giao nộp: 01 Căn cước công dân (bản photo có chứng thực); 01 Đơn xin xác nhận (bản chính); 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bản photo có chứng thực); 01 Trích lục khai tử (bản sao); 01 Đơn đề nghị (bản chính); 03 Trích lục bản đồ địa chính (bản sao); 01 Sổ hộ khẩu (bản photo có chứng thực).

Bị đơn anh Hoàng Văn D trong bản tự khai ngày 16/4/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:

Bố mẹ anh là ông Hoàng Văn Q và bà Cao Thị D1 sinh được 4 người con gồm anh Hoàng Văn P1, chị Hoàng Thị H, chị Hoàng Thị P2 và anh. Quá trình chung sống, bố mẹ anh tạo lập được khối tài sản chung là thửa số 4 tờ bản đồ số 5, địa chỉ: xóm P, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình có diện tích 1,100 m², đất đã được UBND huyện K cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I668092 ngày 21 tháng 09 năm 1997 mang tên Hoàng Văn Q. Trên đất có xây dựng nhà ở cấp IV, công trình phụ, bể nước và một số cây cối. Nhà ở cấp IV do bố mẹ anh xây dựng từ năm 1996, sau này xây thêm phần hiên nhà nhưng không đủ tiền, phải vay mượn 5 triệu đồng và anh là người đã đứng ra trả phần nợ đó. Năm 2008, anh có đi làm, gửi tiền về để bố anh lắp cửa ra vào, lát nền gạch hoa, lắp thêm cửa sổ, xây nhà vệ sinh, sửa lại mái ngói bị hỏng tổng giá trị tài sản anh đóng góp vào khối tài sản chung của bố mẹ anh đề nghị tòa án xem xét giải quyết cho anh. Ngoài ra trên đất xây dựng 1 nhà kho do anh P1 xây nhưng từ khi anh P1 chuyển đi nơi khác thì không còn ai sử dụng nhà kho đó nữa hiên đã hỏng mái.

Nay bố anh là ông Q khởi kiện yêu cầu chia thừa kế di sản do bà D1 để lại theo quy định của pháp luật thì anh nhất trí chia phần di sản của mẹ anh để lại cho ông Q và 4 anh chị em. Đối với phần đất nông nghiệp, hộ gia đình anh có được cấp đất nông nghiệp để trồng cây nhưng do ông Q không có yêu cầu phân chia phần đất này nên anh cũng không yêu cầu mà chỉ đề nghị Tòa án phân chia phần đất ở,

đất vườn, đất ao địa chỉ: xóm P, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình có diện tích 1,100 m² theo pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hoàng Thị P2, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trong biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 19/4/2021 và trong quá trình giải quyết trình bày:

Bố mẹ đẻ của chị là ông Hoàng Thái Q và Cao Thị D1 sinh được 4 người con như trình bày của ông Q và anh D. Quá trình chung sống, bố mẹ chị có tài sản chung là thửa đất 1.100m² tại xóm P, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Trên đất có xây dựng 1 nhà cấp IV đã cũ. Đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Hoàng Văn Q bao gồm các loại đất đã được nêu rõ. Năm 2009 mẹ chị là Cao Thị D1 chết không để lại di chúc, toàn bộ nhà đất do ông Q và anh D quản lý sử dụng.

Nay ông Q yêu cầu chia thừa kế di sản do bà Cao Thị D1 để lại thì chị nhất trí theo ý kiến của ông Q, chị yêu cầu chia di sản thừa kế của bà D1 để lại cho các đồng thừa kế theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, chị P2 giao nộp 01 Căn cước công dân, 01 Giấy ủy quyền (bản chính); 01 Chứng thư thẩm định giá (bản chính); 01 Hợp đồng dịch vụ thẩm định giá; 01 Hợp đồng dịch vụ thực hiện công tác đo đạc; 01 Thanh lý Hợp đồng dịch vụ thẩm định giá; 01 Thanh lý hợp đồng dịch vụ thực hiện công tác đo đạc.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Hoàng Thị H trong đơn trình bày ngày 13/4/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:

Bố mẹ đẻ của chị là ông Hoàng Thái Q và Cao Thị D1 sinh được 4 người con như trình bày của ông Q và D. Quá trình chung sống, bố mẹ chị có tài sản chung là thửa đất số 4, tờ bản đồ số 5 có diện tích 1.100m² tại xóm P, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1997. Đến năm 2012 khi đo đạc lại thì diện tích đất chỉ còn 1045m². Trên đất bố mẹ chị có xây dựng nhà cấp IV 5 gian và em trai Hoàng Văn D có xây thêm công trình phụ. Năm 2006, chị đi lấy chồng, nhà đất do bố mẹ chị và anh D sử dụng. Năm 2009, bà D1 chết không để lại di chúc nên nhà đất do ông Q và anh D sử dụng. Nay ông Q yêu cầu chia di sản thừa kế do bà D1 để lại, chị yêu cầu phân chia phần di sản này theo quy định của pháp luật, chia đều cho ông Q và 4 người con.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Hoàng Văn P1: mặc dù được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không tham gia tố tụng không có văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Hoàng Thị P2 xác định giá trị đóng góp vào khối tài sản chung của bố mẹ của bị đơn Hoàng Văn D là 25.000.000đ. đề nghị Tòa án xem xét đảm bảo quyền lợi cho bị đơn; đồng thời đề nghị xem xét phương án chia di sản của nguyên đơn đưa ra. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Hoàng Thị P2 tự chịu chi phí thẩm định giá tài sản không yêu cầu các đồng thừa kế khác phải chịu chung.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của pháp luật; Nguyên đơn, bị

đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của BLTTDS

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K về nội dung: Áp dụng khoản 1 Điều 623. 651,660 BLDS; Điều 147,228 BLTTDS; điểm d Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14. Đề nghị tuyên:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Phân chia di sản thừa kế mà bà Cao Thị D1 để lại cho các đồng thừa kế theo quy định của pháp luật, ghi nhận sự tự nguyện tặng cho phần tài sản của ông Q cho các con.

2. Phần diện tích mà các kỹ phần thừa kế được nhận như sau:

+ Chị Hoàng Thị H nhận phần đất giáp nhà ông T có chiều tám mét đường 5m chạy dọc khung thổ.

+ Chị Hoàng Thị P2 nhận phần đất giáp đất chị H có chiều tám mét đường 5m chạy dọc khung thổ.

+ Anh Hoàng Văn D nhận phần đất giáp đất giao cho chị P2 có chiều tám mét đường 5m chạy dọc khung thổ.

+ Anh Hoàng Văn P1 nhận phần đất giáp đất giao anh D có chiều tám mét đường 4m chạy dọc khung thổ.

+ Ông Hoàng Văn Q nhận phần đất còn lại giáp với đất giao cho anh P1.

3. Về án phí và các chi phí tố tụng khác đề nghị Tòa án căn cứ vào các quy định tại nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 và các văn bản pháp luật khác để tuyên theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: nguyên đơn Hoàng Thái Q khởi kiện yêu cầu TAND huyện K giải quyết về tranh chấp di sản thừa kế đối với bị đơn anh Hoàng Văn D có địa chỉ cư trú: xóm P, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Căn cứ quy định tại Điều 26 khoản 9, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện K. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Hoàng Văn P1 vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, căn cứ Điều 228 BLTTDS Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: ông Hoàng Thái Q khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của vợ ông là bà Cao Thị D1 để lại; bà D1 chết ngày 15/02/2009; ông Q khởi kiện ngày 24/04/2021 theo quy định tại khoản điều 623 BLDS năm 2015 yêu cầu khởi kiện của ông còn thời hiệu và được xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

[3] Về hàng thừa kế: ông Hoàng Thái Q xác định vợ chồng ông sinh chỉ được 04 người con gồm: Hoàng Văn P1, Hoàng Thị H, Hoàng Thị P2, Hoàng Văn D, ngoài ra bố mẹ ông không còn con ngoài giá thú và con nuôi nào khác; Bố mẹ của bà D1 đều đã chết từ lâu. Trình bày của ông được các anh chị Hoàng Thị H, Hoàng Thị P2, Hoàng Văn D xác nhận; kết quả xác minh của Tòa án tại địa phương xác định trình bày của ông Q là sự thật. Căn cứ điều 651 BLDS 2015 hàng thừa kế thứ nhất được xác định gồm có 05 người là ông Hoàng Thái Q, các anh

Hoàng Văn P1, Hoàng Văn D, các chị Hoàng Thị H, Hoàng Thị P2, là những người thừa kế theo pháp luật của bà Cao Thị D1.

[4] Xem xét trình bày của nguyên đơn, bị đơn người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều xác định do bà Cao Thị D1 chết đột ngột nên không để lại di chúc. Di sản của bà Cao Thị D1 để lại căn cứ điều 649, 650, 651, 660 BLDS 2015 sẽ được chia thừa kế theo pháp luật.

[5] Về di sản thừa kế:

[5.1] Theo trình bày của ông Hoàng Thái Q, được xác nhận của anh D, chị P2, chị H cũng kết quả xác minh của Tòa án thì tài sản thừa kế để lại của bà Cao Thị D1 là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất chung với ông Q ở xóm P, xã K, huyện K thửa số 4 tờ bản đồ số 5 lập năm 1996 tại xóm P, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình, đất đã được UBND huyện K cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I668092 ngày 21 tháng 09 năm 1997 mang tên Hoàng Văn Q có diện tích 1,100 m²; trên đất còn có nhà và một số vật kiến trúc khác; Ngoài ra bà D1 còn tài sản là quyền sử dụng đất chung cùng gia đình theo định xuất chung cho 06 khẩu tại các thửa số 4, số 105, 440, 241 cùng tờ bản đồ số 5 lập năm 1996 mỗi định xuất 476m² đất trồng lúa; các loại đất và tài sản này hiện đang được ông và anh D quản lý và sử dụng.

[5.2] Căn cứ biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án thực hiện ngày 10/06/2020 thì thửa số 4 cũ nay là thửa 20, có diện tích được xác định tổng cộng là 1.113m; Tuy nhiên theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc địa chính thửa đất ngày 25/06/2012 có xác nhận của chủ sử dụng đất; thì thửa số 4 cũ nay là thửa 20 có diện tích được xác định tổng cộng là 1.045m². Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I668092 do UBND huyện K cấp ngày 21 tháng 09 năm 1997 thì ông Q và bà D1 được cấp 1.100m². Chênh lệch số liệu nêu trên được cơ quan quản lý đất đai tại cơ sở là UBND xã K xác định bà D1 và ông Q có diện tích được xác định tổng cộng là 1100m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp năm 1997, phần diện tích tăng thêm 13 m² do gia đình ông sử dụng ở thửa 14, phía Tây là đất nông nghiệp được giao cho gia đình ông. Do đó tài sản chung của ông Q và bà D1 là quyền sử dụng đất tại thửa số 4 tờ bản đồ số 5 cũ lập năm 1996, nay là thửa 20 tờ bản đồ số 11 lập năm 2012 có diện tích 1100m². Theo chứng thư thẩm định giá của công ty thẩm định giá Trảng An ngày 18/06/2021 thì tổng giá trị quyền sử dụng đất của ông Q và bà D1 tại thửa 20 mới là 1.097.650.500đ; tài sản trên đất là 118.400.000đ. Tổng cộng giá trị tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa 20 là 1.216.050.500đ

[5.3] Theo lời khai của ông Q và anh D, chị P2 và chị H cũng như kết quả thẩm định tại chỗ của tòa án thực hiện ngày 10/06/2021 thì trên thửa 20 có một căn nhà kho do anh Hoàng Văn P1 xây dựng có giá trị theo định giá là 2.203.790đ; đồng thời anh D có đóng góp vào việc sửa chữa tôn tạo căn nhà chung của bố mẹ là làm hiên bằng và cửa sổ cửa ra vào theo xác nhận của ông Q có giá trị 25.000.000đ. Sau khi trừ phần tài sản trên đất của anh Hoàng Văn P1 là căn nhà kho trị giá 2.203.790đ và phần đóng góp vào khối tài sản chung của anh D thì tài sản trên đất của ông Q và bà D1 còn 91.196.000đ. Như vậy tổng giá trị tài sản chung là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại thửa 20 ở xóm P, xã K, huyện K,

tỉnh Ninh Bình thuộc sở hữu của vợ chồng ông Hoàng Văn (Thái) Q và bà Cao Thị D1 có tổng trị giá 1.118.884.600đ.

[5.4] Về công sức quản lý trong coi di sản thừa kế: trên thực tế sau khi bày D1 mất diện tích đất 1.100 m² cùng nhà và vật kiến trúc khác quyền sử dụng đất chung cùng gia đình theo định xuất chung hiện đang được ông và anh D quản lý và sử dụng. Ông Q và anh D không có yêu cầu xem xét công sức quản lý di sản do đã quản lý sử dụng đất trồng lúa, thụ hưởng sản phẩm trồng trọt trong suốt thời gian đó nên không cần thanh toán công quản lý bảo quản, mà xác định hoa lợi thu được trong quá trình sử dụng đất trồng trọt là chi phí quản lý di sản của họ; nên Hội đồng xét xử không xem xét về vấn đề này.

[5.5] Đối với quyền sử dụng đất nông nghiệp 176m² của bà Cao Thị D để lại hiện nay ông Q đang quản lý sử dụng; các bên đương sự không có yêu cầu xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét về vấn đề này.

[5.5] Như vậy căn cứ vào các mục từ [5.1] đến [5.4] nêu trên ông Q và bà D là vợ chồng nên số tài sản này là sở hữu chung hợp nhất sau khi trừ đi phần đóng góp trong khối tài sản của anh P1 và anh D thì mỗi người có quyền định đoạt một nửa thì tổng giá trị di sản thừa kế của bà Cao Thị D1 để lại là 594.423.000đ. Căn cứ Điều 660 BLDS di sản thừa kế của bà D1 sẽ được chia đều cho 05 đồng thừa kế hàng thứ nhất theo phần mỗi kỷ phần là 118.884.600đ. Riêng anh Hoàng Văn P1 còn được thanh toán 2.203.790đ và anh Hoàng Văn D được thanh toán thêm 25.000.000đ là công sức đóng góp trong khối tài sản của bố mẹ.

[6] Về cách thức phân chia di sản:

[6.1] Do các đồng thừa kế đều có nguyện vọng nhận di sản thừa kế là hiện vật; nếu chia hiện vật là quyền sử dụng đất đã được UBND huyện K cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I668092 ngày 21 tháng 09 năm 1997 mang tên Hoàng Văn Q, trên thực tế thì mỗi kỷ phần tính bình quân chung chỉ được 3,76m chiều mặt đường dọc xóm không đủ điều kiện để tách thửa theo quy định tại Quyết định số 24/2014/QĐ-UBND ngày 28/8/2014 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc ban hành quy định về diện tích đất ở giao cho mỗi hộ gia đình, cá nhân đối với đất ở tại các xã, diện tích không nhỏ hơn 45 m² và có bề rộng mặt tiền, chiều sâu so với chỉ giới xây dựng không nhỏ hơn 04 m.

[6.2] Phía nguyên đơn ông Hoàng Văn Q tại phiên hòa giải ngày 30/07/2021 cũng như tại phiên tòa đề xuất phương án phân chia di sản thừa kế chia cho các con phần đất nổi phía Bắc thổ, tính từ ranh giới phía Bắc giáp nhà ông T xuống Nam chia và cho Hoàng Thị H, Hoàng Thị P2 và Hoàng Văn D mỗi người 5m chiều ngang chạy suốt khung thổ; Hoàng Văn P 4m chiều ngang chạy suốt khung thổ. Tài sản là nhà và vật kiến trúc có trên đất theo ranh giới được chia, của ai người đó được sử dụng không phải thanh toán lại cho ông và cho người khác.

[6.3] Theo chứng thư thẩm định giá phần đất nổi bao gồm đất thổ cư 230m² trị giá 1.770.000đ/m² và 556m² đất vườn trị giá 795.000đ/m²; tổng là 786,3m² có giá trị trung bình 1.080.600đ/m². Theo phương thức phân chia của ông Q đưa ra thì chị Hoàng Thị H được chia 142,8m² trị giá 154.310.000đ; chị Hoàng Thị P2 được chia 143,9m² trị giá 155.498.000đ; anh Hoàng Văn D được chia 144,9m² trị giá 156.579.000đ; anh Hoàng Văn P1 được chia 116,7m² trị giá 126.106.000đ.

[6.4] Căn cứ vào các mục [6.1] đến [6.3] cũng như thực tế qua xem xét thẩm định tại chỗ ngày 10/06/2021 của Tòa án thì phần đất ở và đất vườn đã xây nhà, bếp vật kiến trúc khác không theo quy hoạch ranh giới nào nếu chia thừa kế như ông Q đề xuất thì cắt vào căn nhà ông đang sử dụng và hầu như ông giành toàn bộ phần thừa kế được hưởng của vợ là bà Cao Thị D cho các con; tuy nhiên ông vẫn nhận phần thiệt thòi cho mình và tạo điều kiện cho các con. Đồng thời tính trị giá, giá trị quyền sử dụng đất theo phương thức giải quyết vụ án ông Quang đưa ra thì vượt quá giá trị kỷ phần được hưởng của những người được hưởng thừa kế, đảm bảo được quyền lợi hợp pháp của họ; cách thức giải quyết của ông là hoàn toàn tự nguyện được các đồng thừa kế là Hoàng Thị H, Hoàng Thị P2, Hoàng Văn D đồng ý. Theo cách chia của ông không gây thiệt hại cho các đồng thừa kế là hoàn toàn tự nguyện được Hội đồng xét xử chấp nhận chia thừa kế theo đề xuất của ông Q đưa ra.

[7] Về chi phí thẩm định tại chỗ và định giá tài sản do chị Hoàng Thị P2 yêu cầu công ty thẩm định giá Trảng An thực hiện hết 10.000.000đ, chị đã thanh toán xong; tại phiên tòa chị P2 đề xuất tự chịu trách nhiệm, không yêu cầu các đồng thừa kế khác chịu trách nhiệm về án đề này nên Hội đồng xét xử không xem xét đến.

[8] Căn cứ phương thức phân chia di sản nêu trên; theo quy định tại nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH14 và Điều 2 Luật người cao tuổi thì ông Hoàng Văn Q là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Các đương sự còn lại phải chịu án phí theo giá trị phần mình được hưởng cụ thể: chị Hoàng Thị H $154.310.000đ \times 5\% = 7.665.500đ$; chị Hoàng Thị P2 $155.498.000đ \times 5\% = 7.775.000đ$; anh Hoàng Văn D $156.579.000đ \times 5\% = 7.829.000đ$ anh Hoàng Văn P1 $126.106.000đ \times 5\% = 6.305.000đ$. (đã làm tròn)

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 623, 649, 650, 651, 660 BLDS; Điều 147, 228 BLTTDS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế theo pháp luật của ông Hoàng Văn Q (Hoàng Thái Q)

2. Xác định di sản thừa kế của bà Cao Thị D1 để lại là một phần quyền sử dụng đất ở, đất vườn, đất ao và tài sản xây dựng trên đất tại thửa số 20 tờ bản đồ số 11 thành lập năm 2013; đất đã được UBND huyện K cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I668092 ngày 21 tháng 09 năm 1997 mang tên Hoàng Văn Q; có tổng giá trị là 594.423.000đ.

3. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của bà Cao Thị D1 là ông Hoàng Văn Q, Hoàng Văn P1, Hoàng Văn D, Hoàng Thị H và Hoàng Thị P2.

4. Chấp nhận phương pháp chia thừa kế mà ông Hoàng Văn Q đưa ra chia di sản thừa kế của Bà Cao Thị D1 để lại như sau:

+ Chị Hoàng Thị H được chia sở hữu quyền sử dụng đất 142,8m² đất ở và đất vườn trị giá 154.310.000đ.

+ Chị Hoàng Thị P2 được chia sở hữu quyền sử dụng đất 143,9m² đất ở và đất vườn, trị giá 155.498.000đ

+ Anh Hoàng Văn D được chia sở hữu quyền sử dụng đất 144,9m² đất ở và đất vườn trị giá 156.579.000đ.

+ Anh Hoàng Văn P1 được chia sở hữu quyền sử dụng đất 116,7m² đất ở và đất vườn trị giá 126.106.000đ.

Kỷ phần thừa kế của anh Hoàng Văn P bằng hiện vật giao cho anh Hoàng Văn D có trách nhiệm quản lý khi anh P1 trở về bàn giao lại cho anh P1.

+ Ông Hoàng Thái Q sở hữu quyền sử dụng đất vườn và đất ao còn lại 551,7m².

Trên phần đất được chia, tài sản là nhà và vật kiến trúc có trên đất theo ranh giới được chia, của ai người đó được sử dụng không phải thanh toán lại cho ông Quang và cho người khác.

Có sơ đồ xác định ranh giới đất giao cho các đương sự kèm theo

5. Án phí:

+ Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho Ông Hoàng Văn Q.

+ Buộc chị Hoàng Thị H phải nộp 7.665.500đ án phí dân sự sơ thẩm.

+ Buộc chị Hoàng Thị P2 phải nộp 7.775.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

+ Buộc anh Hoàng Văn D phải nộp 7.829.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

+ Buộc anh Hoàng Văn P1 phải nộp 6.305.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì các đương sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phạm Thế Anh